|  |  |
| --- | --- |
| TIỂU BAN VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX  **TỔ CHUYÊN ĐỀ 2** | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** |
|  | *Hà Tĩnh, ngày tháng 3 năm 2020* |

**BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ**

**Đẩy mạnh Cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả, bền vững; phấn đấu đến năm 2025 tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới,**

**gắn với phát triển đô thị**

**Phần thứ nhất**

**SỰ CẦN THIẾT**

Những năm qua, thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng (khóa X), Nghị quyết 08-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XVI) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Hà Tĩnh xác định trọng tâm là Cơ cấu lại ngành nông nghiệp và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, với nội dung cốt lõi là phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và đời sống về mọi mặt cho người dân nông thôn. Trong điều kiện gặp nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, bão lụt lớn, biến động thị trường, đặc biệt là sự cố môi trường biển. Hà Tĩnh đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách và ưu tiên khá cao nguồn lực; tập trung chỉ đạo quyết liệt, từng bước đổi mới tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng thành lập và thu hút doanh nghiệp, các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, hình thành chuỗi liên kết từ sản xuất, đến bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đã thúc đẩy phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực của tỉnh, một số sản phẩm (như cây ăn quả, chăn nuôi, nuôi tôm,...) phát triển nhanh cả về quy mô, năng suất, chất lượng, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng và giữ được ổn định tăng trưởng nông nghiệp, bình quân giai đoạn 2011-2020 ước đạt trên 2%/năm, đời sống người nông dân từng bước được cải thiện và nâng cao. Xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều thành quả nổi bật, làm thay đổi rõ nét nông thôn, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh trong nhiều năm qua.

Tuy vậy, nền sản xuất nông nghiệp của tỉnh vẫn chủ yếu là quy mô nông hộ nhỏ, phân tán, phát triển chậm, liên kết sản xuất với doanh nghiệp còn ít và chưa bền vững; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm hàng hóa còn thấp. Cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn chuyển dịch chậm, kinh tế nông nghiệp đang là chủ yếu. Xây dựng nông thôn mới đang có khoảng cách chênh lệch giữa các địa phương; các vấn đề phát triển sản xuất, thu nhập, cơ sở hạ tầng, đời sống văn hóa, tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn, ngày càng đặt ra yêu cầu cao hơn về tính bền vững, thiết thực với sản xuất và đời sống người dân nông thôn.

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn tới dự báo có nhiều thời cơ, thuận lợi nhờ sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Nhưng, cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng biến đổi khí hậu, dịch bệnh, biến động thị trường.

Nhận thức rõ nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà. Để tiếp tục đổi mới phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo tinh thần Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị, đóng góp nội dung trực tiếp vào xây dựng Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉn lần thứ XIX, tỉnh Hà Tĩnh xây dựng Chuyên đề ***“*Đẩy mạnh Cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả, bền vững; phấn đấu đến năm 2025 tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, gắn với phát triển đô thị”**.

**Phần thứ hai**

**ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NÔNG NGHIỆP, KINH TẾ NÔNG THÔN**

**VÀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

**I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

**1. Về phát triển sản xuất nông nghiệp**

***1.1. Sản xuất nông nghiệp chuyển dịch theo hướng phát huy lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu***

Từng ngành, lĩnh vực, những sản phẩm nông nghiệp có lợi thế, thị trường thuận lợi đã tăng nhanh cả về diện tích, năng suất, sản lượng, chất lượng và tỷ trọng đóng góp cho tăng trưởng: Tỷ trọng cơ cấu giá trị sản xuất các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực có lợi thế (như cam, bưởi Phúc Trạch, rau củ quả thực phẩm, chè xuất khẩu, chăn nuôi lợn, bò, hươu, nuôi tôm, khai thác hải sản, gỗ nguyên liệu rừng trồng) tăng lên tương ứng từ 30,4% lên 44,3% và ước đạt trên 46%; tỷ trọng cơ cấu chăn nuôi trong nông nghiệp tăng từ 48,8% (năm 2015) lên trên 53,2% (năm 2019), ước đạt trên 55% (năm 2020); tỷ trọng trồng trọt giảm từ 59% xuống còn dưới 43%.

*- Lĩnh vực Trồng trọt:* Chuyển đổi mạnh mẽ về cơ cấu mùa vụ, giống, sử dụng giống lúa ngắn ngày, chất lượng cao, thu hút đầu tư nhà máy chế biến lúa gạo xuất khẩu; đã thu hút doanh nghiệp xuất khẩu 10.000 tấn gạo với kim ngạch đạt 5 triệu USD trong năm 2019.

Chuyển giao khoa học công nghệ về bảo tồn quỹ gen các giống cây đặc sản; sản xuất giống tạo sự đồng nhất về chất lượng cam, bưởi trên diện rộng, đã thúc đẩy phát triển nhanh diện tích cam đạt 7.954 ha, bưởi Phúc Trạch đạt 3.300ha; sản lượng cam, bưởi đạt trên 55.000 tấn (tăng hơn 2 lần so với năm 2015); liên tục nhiều năm được mùa, được giá và thị trường tiêu thụ tốt, mang lại thu nhập khá cao cho người nông dân (thu nhập bình quân sản xuất cam đạt trên 250 triệu đồng/ha/năm, bưởi đạt trên 270 triệu đồng/ha/năm).

Phát triển chuỗi liên kết sản xuất chè công nghiệp, đạt trên 1.200ha, sản lượng búp tươi đạt 11.600 tấn (tăng 2,8 lần), cùng với hiện đại hóa công nghệ chế biến, sản phẩm chè Hà Tĩnh đã xuất khẩu vào một số thị trường khó tính (như Nhật Bản, EU), với kim ngạch đạt 2,5 triệu USD/năm (thu nhập bình quân sản xuất chè ở nhiều vùng đạt trên 120 triệu đồng/ha/năm), là điển hình thành công nhất hiện nay trên địa bàn tỉnh về xây dựng chuỗi liên kết sản xuất bền vững.

Sau 5 năm cơ cấu lại, giá trị sản xuất bình quân trên đơn vị diện tích tăng từ 70 triệu đồng/ha (năm 2015) lên 86 triệu đồng/ha (năm 2019) và dự kiến đạt 90 triệu đồng/ha (năm 2020); điển hình như một số vùng sản xuất thâm canh cây ăn quả (cam, bưởi) đạt hiệu quả cao (thu nhập bình quân từ 400-600 triệu đồng/ha/năm)[[1]](#footnote-1).

*- Lĩnh vực Chăn nuôi:* Phát triển theo hướng chăn nuôi công nghiệp, ứng dụng công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng (tỷ lệ lợn nái ngoại đạt gần 40%, tăng 10%; tỷ lệ bò lai đạt 60%, tăng 20%); tổng sản lượng thịt hơi các loại xuất chuồng ước đạt trên 117.000 tấn, tăng 10% so với năm 2015.

Chuyển giao thành công công nghệ sản xuất giống lợn chất lượng cao, đã thúc đẩy phát triển nhanh chăn nuôi trang trại (với hơn 200 cơ sở chăn nuôi quy mô lớn theo chuỗi liên kết, chiếm tỷ trọng 45% tổng đàn, năm 2015 mới đạt 35%), giúp chăn nuôi lợn Hà Tĩnh vượt qua khủng hoảng về biến động thị trường, giá cả, giảm thiểu thiệt hại do dịch bệnh (Hà Tĩnh đã kiểm soát tốt dịch bệnh tại hơn 200 cơ sở chăn nuôi lợn quy mô lớn, chưa để xẩy ra dịch, giữ được 37 cơ sở nái với đàn nái hơn 45.000 con), là cơ sở quan trọng để từng bước phục hồi chăn nuôi, góp phần ổn định thị trường thịt lợn, đóng góp khá quan trọng cho tăng trưởng nông nghiệp.

*- Lĩnh vực Lâm nghiệp:* Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, quy trình kỹ thuật thâm canh để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị rừng rồng, chuyển từ trồng rừng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn; năng suất rừng trồng tăng từ 73m3/ha (năm 2015) tăng lên 90m3/ha (năm 2019), sản lượng gỗ khai thác tăng từ 290 ngàn m3 lên 420 ngàn m3. Hoàn thành việc giao hơn 70.000 ha diện tích rừng và đất lâm nghiệp cho các hộ dân; đã và đang xây dựng 2 nhà máy chế biến gỗ hiện đại, công suất trên 300 ngàn m3/năm; từng bước tạo thành chuỗi khép kín từ trồng rừng, chế biến, tiêu thụ cơ bản hết nguồn nguyên liệu, phát huy lợi thế và nâng cao giá trị rừng trồng trên địa bàn tỉnh.

*- Lĩnh vực Thủy sản:* Chuyển mạnh từ nuôi hộ gia đình sang doanh nghiệp, HTX; thu hút đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất giống tôm chất lượng cao; áp dụng công nghệ tiên tiến về nuôi tôm thẻ chân trắng trên cát (đạt quy mô hơn 950 ha, tăng 31%). Tổ chức lại sản xuất trên biển, tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật bảo quản hải sản đánh bắt; thực hiện nghiêm các giải pháp khắc phục, chống khai thác hải sản bất hợp pháp. Sản xuất thủy sản phục hồi nhanh tăng trưởng sau sự cố môi trường biển; tổng sản lượng thủy sản năm 2019 đạt trên 48.800 tấn (tăng 26,2% với năm 2015).

***1.2. Khoa học công nghệ được áp dụng rộng rãi hơn, đóng góp ngày càng cao trong giá trị gia tăng sản xuất nông nghiệp.*** Chuyển giao, ứng dụng thành công nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, bảo quản, chế biến, góp phần tăng năng suất, chất lượng, thay đổi tập quán canh tác và nâng cao hiệu quả sản xuất. Trong 5 năm qua, đã có khoảng hơn 20 loại giống cây trồng mới, 10 loại giống thủy sản, 3 loại giống lâm nghiệp và hàng trăm tiến bộ kỹ thuật công nghệ được ứng dụng, chuyển giao, đưa vào sản xuất nông, lâm, thủy sản. Nông nghiệp công nghệ cao bước đầu được áp dụng, phát huy hiệu quả, nhất là trong sản xuất rau củ quả, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông sản...

***1.3. Về chuyển đổi ruộng đất, dồn điền đổi thửa, thúc đẩy cơ giới hóa nông nghiệp***

Tiếp tục thực hiện chuyển đổi ruộng đất, dồn điền đổi thửa, đến nay đã giảm được 43,5% số thửa/hộ, tăng 1,8 lần diện tích bình quân trên 1 thửa. Đặc biệt, đã hình thành nhiều mô hình sản xuất hàng hóa quy mô khá lớn (trên 40 mô hình hộ gia đình, 350 trang trại, 59 HTX, với diện tích bình quân trên 10ha/mô hình). Tỷ lệ cơ giới hóa, tự động hóa trong nhiều lĩnh vực, khâu sản xuất đạt cao[[2]](#footnote-2), nhờ đó giải quyết khâu lao động nặng nhọc, tính thời vụ, khẩn trương, góp phần giảm tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch (sản xuất lúa giảm từ 12,5% xuống còn khoảng 7%).

***1.4. Thủy lợi phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai, nước sạch nông thôn*** Thời gian qua, ngành thủy lợi đã hỗ trợ tích cực cho tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phát triển đa mục tiêu và chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đã đầu tư xây dựng mới 13 hồ chứa, nâng cấp và sữa chữa 84 hồ chứa, nâng tổng dung tích các hồ chưa toàn tỉnh lên gần 1,6 tỷ m3 nước; kiên cố hóa 1.793km kênh mương, đảm bảo cấp đủ nước tưới ổn định cho trên 99.000ha diện tích lúa 2 vụ, 14.000 ha cây màu (tăng 3.000 ha so với 2015) và 3.500 ha diện tích nuôi trồng thủy sản (tăng 300 ha). Ứng dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên một số cây trồng cạn (cam, bưởi, chè, rau,...) đạt gần 500ha. Chú trọng đầu tư tu bổ, nâng cấp được 30 km đê biển, đê cửa sông, 20 km đê sông; tiếp tục tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, hạn chế tối đa thiệt hại đối với sản xuất và đời sống dân sinh.

Quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình nước sạch tập trung nông thôn, tỷ lệ người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh tăng nhanh, đạt 98,7% (tăng thêm 20% so với năm 2015), trong đó có 49,8% số hộ được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn quốc gia (tăng thêm 18%).

***1.5. Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn*** được quan tâm, đã hỗ trợ đào tạo cho hơn 18.000 lao động nông thôn, góp phần tăng tỷ lệ nông dân được đào tạo nghề nông nghiệp từ 22% năm 2015 lên 30,8% năm 2018.

***1.6. Cơ cấu đầu tư công trong nông nghiệp***

Cơ cấu đầu tư trong nông nghiệp được điều chỉnh theo thứ tự ưu tiên, từng bước đã giảm được sự dàn trải, nâng cao hiệu quả, tập trung cho các công trình trọng điểm, cấp bách phụ vụ sản xuất, đời sống dân sinh, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; quan tâm đầu tư hạ thiết yếu trên các lĩnh vực nông lâm thủy sản, vùng sản xuất tập trung, tạo kích hoạt nguồn lực xã hội hóa đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất, như: Đầu tư nâng cấp, xây dựng đường giao thông vào các trang trại chăn nuôi, trồng cây ăn quả kết hợp đường dân sinh; đầu tư nâng cấp trại bảo tồn, sản xuất giống cây ăn quả có múi (cam, bưởi) Truông Bát, Phúc Trạch; xã hội hóa sản xuất giống cây lâm nghiệp; đầu tư nâng cấp hạ tầng 09 vùng nuôi trồng thủy sản tập trung (quy mô từ 20- 80ha/vùng), 06 cơ sở sản xuất giống thủy sản, các khu neo đậu cửa Khẩu, Cửa Hội - Xuân Phổ; đưa vào hoạt động các cảng cá Cửa Sót, Cửa Hội, khu neo đậu Cửa Nhượng, Cửa Sót...

***1.7. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm về chất lượng hàng hóa vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm được tăng cường***, tập trung vào các khâu trọng điểm như: Kiểm soát chất cấm, kiểm soát tạp chất trong thủy sản, phụ gia, hóa chất trong chế biến thực phẩm; góp phần năng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, tạo niềm tin của người tiêu dùng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Tỷ lệ cơ sở SXKD nông lâm thủy sản được kiểm tra đạt điều kiện đảm bảo ATTP đạt 95,7%; tỷ lệ cơ sở SXKD vật tư nông nghiệp đạt yêu cầu chiếm 95%. Đến nay, toàn tỉnh có 139 cơ sở sản xuất rau, cây ăn quả, trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản được chứng nhận sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGAP, VietGAHP và tương đương; 19 chuỗi cung ứng thực phẩm (cam, bưởi, rau, gạo và thịt,…) an toàn có xác nhận, gắn với truy xuất nguồn gốc và thường xuyên được kiểm tra.

**2. Về phát triển kinh tế nông thôn**

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch dịch vụ thương mại và kinh tế nông thôn chuyển biến tích cực, góp phần chuyển đổi một bước phương thức sản xuất của người nông dân:

- *Các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn, công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản được quan tâm phát triển theo hướng chế biến sâu*: Thu hút được một số doanh nghiệp đầu tư dự án lớn, công nghệ hiện đại như chế biến gỗ MDF, HDF, chăn nuôi bò sữa, sản xuất phân bón, chế biến gạo, chế biến thủy sản xuất khẩu[[3]](#footnote-3); đầu tư nâng cấp công nghệ, thiết bị các nhà máy chế biến chè xuất khẩu, thức ăn chăn nuôi, cơ sở mộc gia dụng, xay xát lúa gạo, chế biến lạc, hệ thống kho lạnh tại các cảng cá,... Đến nay, đã hình thành hệ thống trên 2.800 cơ sở sản xuất chế biến đồ gỗ, 2.700 cơ sở chế biến xay xát lúa, gạo, ngô, trên 921 cơ sở chế biến bún, bánh tráng, miến, bánh kẹo và 290 cơ sở chế biến nước mắn, bảo quản thủy sản; quy hoạch chi tiết và thành lập 22 cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn, trong đó có 17 cụm công nghiệp hoạt động với trên 240 dự án đăng ký đầu tư, đã có 139 dự án đi vào hoạt động với tổng số vốn là 4.900 tỷ đồng, tỷ lệ lấp đầy các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt trên 56%, giải quyết việc làm cho hơn 3.300 lao động, với GTSX tại các cụm công nghiệp đạt trên 3.500 tỷ đồng/năm Nhiều mặt hàng qua chế biến (như chè đen, hải sản đông lạnh) có khả năng cạnh tranh khá tốt, đáp ứng được yêu cầu các thị trường khó tính như EU, Nhật Bản,... đóng góp lớn cho xuất khẩu (khoảng 70/128 triệu USD/năm).

*-**Công tác phát triển nghề, khôi phục làng nghề nông thôn được quan tâm,* đã có 5 làng nghề và 8 nghề truyền thống được công nhận[[4]](#footnote-4) trong tổng số 30 làng nghề toàn tỉnh. Một số làng nghề mạnh dạn đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, cải tiến mẫu mã sản phẩm, mở rộng quy mô và thị trường, như: Mộc gia dụng, nước mắm, mỹ nghệ...; giá trị sản phẩm hàng hóa bình quân mỗi làng nghề tăng từ 35 tỷ đồng lên 65 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 9.500 lao động, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới.

*- Dịch vụ, thương mại nông thôn phát triển khá đồng bộ*:Công tác xã hội hóa đầu tư xây dựng chợ, cùng với tập trung chuyển đổi mô hình quản lý chợ được đẩy mạnh[[5]](#footnote-5), giai đoạn 2015-2019 đã xây dựng mới 12 chợ, nâng cấp, cải tạo hơn 50 chợ tại khu vực nông thôn, cơ bản hoàn thành chuyển đổi mô hình quản lý theo quy hoạch, nhiều chợ trên địa bàn nông thôn được đầu tư theo hình thức xã hội hóa khang trang[[6]](#footnote-6); hình thành các kênh bán lẻ hiện đại như siêu thị mini[[7]](#footnote-7), cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp; cùng với việc mở rộng các hoạt động xúc tiến thương mại, đã thúc đẩy và nâng cao hiệu quả lưu thông hàng hóa, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, kích thích phát triển sản xuất, nâng cao và đa dạng hóa thu nhập cho người dân nông thôn; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, giảm kinh tế thuần nông.

**3. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đạt kết quả toàn diện, nổi bật**

Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được đầu tư, nâng cấp đạt khối lượng lớn, nhất là đường giao thông, cơ sở vật chất văn hóa, trường học, y tế…làm thay đổi diện mạo nông thôn ở nhiều địa phương; một số hạ tầng phúc lợi phát triển theo hướng hiện đại, gắn với phát triển đô thị. Chương trình MTQG giảm nghèo được thực hiện đồng bộ, đạt nhiều kết quả đáng mừng, đến nay không còn huyện nghèo (năm 2010 có 2 huyện), còn 3 xã biên giới theo Chương trình 135, 13 xã bãi ngang ven biển theo Chương trình 106, 13 thôn đặc biệt khó khăn theo Chương trình 135 (giảm 71 xã, 55 thôn so năm 2010). Giáo dục, y tế, văn hóa, môi trường, thể dục, thể thao khu vực nông thôn có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng được nâng lên; văn hóa ứng xử trong cộng đồng nông thôn mới được hình thành khá rõ, nhất là ở các khu dân cư NTM kiểu mẫu đạt chuẩn; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm tăng nhanh, đạt trên 87%, nhất là hình thức bảo hiểm tự nguyện. Tỷ lệ hộ nghèo còn 4,52%; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 30,5 triệu đồng (năm 2010 đạt 12,7 triệu đồng, năm 2015 đạt 20 triệu đồng). Đời sống nhiều mặt của người nông dân từng bước được cải thiện và nâng cao, bộ mặt nông thôn nhiều địa phương thực sự khởi sắc.

Xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu, Vườn mẫu lan tỏa nhanh cả chiều rộng và chiều sâu, khẳng định ý nghĩa thiết thực trong việc nâng chất lượng, xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới bền vững. Các chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới đều đạt trước thời hạn 2,5 năm so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra, đến nay đã có 201 xã đạt chuẩn (chiếm 88% tổng số xã; sau sáp nhập xã, đến nay có 154/182 xã đạt chuẩn, chiếm 84%); có 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 4 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (huyện Nghi Xuân, Can Lộc đạt chuẩn nông thôn mới; thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới); 3 huyện có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới (Vũ Quang, Đức Thọ và Lộc Hà). Xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu trở thành phong trào thiết thực, lan tỏa rộng khắp, hình thành những vùng quê “trù phú - an lành”, xanh - sạch - đẹp, đáng sống hơn, góp phần xây dựng nông thôn mới bền vững.

**II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Những thành tựu cơ bản**

**(1)** Cơ cấu lại ngành nông nghiệp đã giải phóng một bước quan trọng về năng lực sản xuất, thúc đẩy nông nghiệp phát triển khá toàn diện; một số lĩnh vực, sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực có bước phát triển nhanh, hướng tới nền nông nghiệp hàng hóa theo hướng hiện đại, bền vững. Nông nghiệp ngày càng thể hiện vai trò “trụ đỡ” cho sự phát triển bền vững nền kinh tế - xã hội tỉnh nhà.

**(2)** Đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn được cải thiện rõ rệt; quyền làm chủ và vai trò chủ thể ngày càng được phát huy; nông dân phấn khởi, tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, vào sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Qua thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, đã làm thay đổi về nhận thức, quan niệm của người dân, từ chỗ “thụ hưởng, bị động” chuyển dần sang “chủ thể, chủ động”; thay đổi tư duy sản xuất từ chỗ tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường và hội nhập. Đây chính là thành quả nổi bật, là tiền đề quan trọng để phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn phát triển mới.

**(3)** Diện mạo nông thôn mới thực sự khởi sắc, văn minh; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư xây dựng, phát triển khanh trang, hiện đại ở nhiều địa phương, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, từng bước đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống nhân dân; văn hóa, giáo dục, y tế, cảnh quan và môi trường nông thôn chuyển biễn rõ nét; hệ thống chính trị được cũng cố, an ninh nông thôn và trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

**2. Những hạn chế, yếu kém**

**(1)** Quá trình Cơ cấu lại ngành nông nghiệp nhìn chung diễn ra còn chậm; kết quả trong một số lĩnh vực chưa đạt so với mục tiêu và yêu cầu *(tăng trưởng NLTS ước đạt trên 2%/năm, mục tiêu 5%/năm)*; tăng trưởng ngành chưa vững chắc, đang tăng chủ yếu về chiều rộng, chưa đi vào chiều sâu về chất lượng, tăng giá trị gia tăng *(tỷ trọng giá trị tăng thêm trong tổng GTSX toàn ngành tăng chậm, chỉ từ 56% năm 2015 lên 57,8% năm 2019)*.

**(2)** Tích tụ, tập trung ruộng đất sản xuất hàng hóa quy mô lớn còn rất hạn chế, nhất là trong sản xuất trồng trọt, chưa có nhiều mô hình thuê đất, góp đất, chuyển nhượng đất sản xuất hàng hóa tập trung.

**(3)** Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất còn chậm, nhất là phát triển công nghệ cao; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh nhiều sản phẩm hàng hóa chủ lực mặc dù đã được cải thiện, nhưng vẫn còn thấp; các sản phẩm có lợi thế quy mô hàng hóa còn nhỏ.

**(4)** Tình trạng sản xuất vượt quy hoạch và theo phong trào; sản xuất chưa gắn với bảo quản, chế biến; tiêu thụ nông sản, an toàn thực phẩm đang là nỗi lo thường trực, ảnh hưởng đến sản xuất, thu nhập và đời sống của người nông dân.

**(5)** Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất còn chậm, liên kết sản xuất với doanh nghiệp còn ít và chưa bền vững (mới chỉ chiếm 7,4%); hiệu quả hoạt động của kinh tế hợp tác còn thấp; kinh tế hộ nhỏ lẻ vẫn là chủ yếu và đang bộc lộ những hạn chế, yếu kém cản trở quá trình cơ cấu lại sản xuất, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp; sản xuất quy mô lớn, theo chuỗi giá trị chỉ mới hình thành ở diện hẹp.

**(6)** Kinh tế nông thôn vẫn còn nhiều hạn chế, chuyển dịch chậm, cơ cấu GTSX nông nghiệp đang là chủ yếu (chiếm trên 53%). Chuyển dịch cơ cấu lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp còn chậm (bình quân chỉ có 1,2%/năm lực lượng lao động làm việc trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp được chuyển đổi sang làm việc trong các ngành công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ); lao động làm việc trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp chiếm tỷ trọng còn cao (52,21%, bình quân cả nước 40,3%).

**(7)** Hạ tầng nông thôn ở một số địa phương còn bất cập, trong xây dựng, chỉnh trang hạ tầng chưa gắn với việc bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống, cảnh quan môi trường; việc chuẩn hóa, duy tu, bão dưỡng công trình chưa được quan tâm đúng mức. Nguồn vốn ngân sách trực tiếp thực hiện Chương trình còn thấp so với yêu cầu; nguồn lực trong dân còn nhiều khó khăn; huy động doanh nghiệp đạt thấp. Việc xây dựng nông thôn mới chưa gắn với phát triển đô thị trong tương lai.

**(8)** Thu nhập và đời sống nhiều mặt của người nông dân nhìn chung còn thấp, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng thuần nông, độc canh cây lúa. Năng suất, chất lượng lao động ngành nông nghiệp tăng chậm, tình trạng “già hóa, nữ hóa” lao động nông thôn ngày càng tăng.

**III. NGUYÊN NHÂN**

**1. Nguyên nhân thành công**

- Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn là chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân nên khi triển khai đã tạo được sự đồng thuận cao, sức lan tỏa lớn, huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc; nhận thức, ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ được nâng lên; làm cho người dân ý thức được phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới là xây dựng đời sống mới cho chính mình, mình là chủ thể, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại, tự giác cao trong tổ chức thực hiện.

- Có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt; phương pháp, cách làm sáng tạo. Xác định xây dựng nông thôn mới gắn với Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn là nội dung trọng tâm, cốt lõi; tỉnh đã tập trung chỉ đạo, từng bước tháo gỡ các rào cản về đất đai, cải cách hành chính, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, ban hành nhiều cơ chế, chính sách sát thực, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, khai thác lợi thế vùng miền, phát triển liên kết sản xuất.

**2. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế**

***2.1. Về khách quan***

- Biến đổi khí hậu, thiên tai ngày càng khắc nghiệt, dịch bệnh diễn biến phức tạp, mức độ ảnh hưởng lớn, gây thiệt hại nặng nề đến quá trình cơ cấu lại nông nghiệp và tăng trưởng của ngành.

- Môi trường cạnh tranh các sản phẩm nông sản ngày càng gay gắt, thị trường tiêu thụ không ổn định.

- Nông nghiệp và nông thôn là khu vực dễ bị tổn thương, rủi ro cao nên “sức hút” đối với các nhà đầu tư thấp.

- Sự cố môi trường biển ảnh hưởng nặng nề đối với phát triển sản xuất thủy sản và thương mại, dịch vụ nông nghiệp.

***2.2. Về chủ quan***

- Một số cấp ủy, chính quyền triển khai thực hiện Cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới chưa thực sự quyết liệt; chuyển biến về nhận thức, cách tiếp cận chủ trương, định hướng phát triển, cơ chế, chính sách, gắn với điều kiện cụ thể chậm thay đổi.

- Sự quan tâm, chỉ đạo, quản lý, tổ chức thực hiện phát triển nông nghiệp, nông thôn, kinh tế nông thôn ở nhiều địa phương chưa được quan tâm đúng mức; còn nặng về quản lý hành chính, giải quyết công việc sự vụ phát sinh, thiếu sự trăn trở, tìm tòi đổi mới sáng tạo; chưa tập trung tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tích tụ và tập trung ruộng đất, phát triển liên kết sản xuất, khai thác lợi thế sản phẩm, vùng miền.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, tuy đã được tăng cường đáng kể, nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển một nền nông nghiệp toàn diện, hiện đại.

- Việc xây dựng, ban hành và thực thi chính sách cho phát triển nông nghiệp, nông thôn còn manh mún, thiếu tập trung; thiếu các giải pháp đồng bộ trong việc cơ cấu lại ngành nông nghiệp, kinh tế nông thôn và mối liên kết giữa nông thôn và đô thị. Chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn vào lĩnh vực nông nghiệp.

**IV. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

**Một là,** nông nghiệp, nông dân, nông thôn, với nội dung trọng tâm là Cơ cấu lại nông nghiệp và Xây dựng nông thôn mới, là vấn đề chiến lược trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển bền vững nền kinh tế - xã hội tỉnh nhà; phải được các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đặc biệt quan tâm, huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc; làm cho người dân, cộng đồng ý thức đầy đủ về vai trò chủ thể của mình và toàn xã hội đồng thuận, trách nhiệm cao, chung sức thực hiện.

**Hai là,** Vận dụng sáng tạo các chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương; ưu tiên nguồn lực đầu tư, các cơ chế, chính sách của tỉnh; tạo môi trường, động lực thu hút mạnh mẽ các nguồn lực, khởi nghiệp trong nông nghiệp, đặc biệt là kinh tế tư nhân; khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất, chuyển giao khoa học công nghệ, khai thác lợi thế vùng miền, phát triển nền sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, hiện đại, bắt nhịp với yêu cầu phát triển nhanh của cả nền kinh tế; phát triển nông thôn toàn diện cả về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, nâng cao đời sống mọi mặt cho người dân nông thôn; không để nông nghiệp, nông thôn tụt hậu so với các khu vực khác.

**Ba là,** Cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới phải đi vào chiều sâu, thiết thực với phát triển nông thôn và nâng cao đời sống mọi mặt của người nông dân; phải tuân thủ quy luật khách quan, nguyên tắc của nền kinh tế thị trường, tránh nóng vội, chủ quan, hình thức; gắn phát triển với bảo đảm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; gắn phát triển kinh tế nông thôn kết nối với không gian đô thị.

**Bốn là,** Tập trung sắp xếp, đổi mới hệ thống chính trị cơ sở, xây dựng bộ máy cấp ủy, chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã thực sự gần dân, hiểu dân và tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, các tổ chức tiếp cận tốt hơn với các điều kiện phát triển, nguồn lực, cơ chế, chính sách, các dịch vụ hành chính công; công khai, dân chủ, trao quyền tối đa cho người dân, cộng đồng; khơi dậy và phát huy nguồn lực to lớn trong xã hội đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.

**Năm là,** Thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện những tồn tại, khó khăn và tập trung xử lý, không để trở thành rào cản của sự phát triển; sơ kết, tổng kết đánh giá sâu những vấn đề mới, từ yêu cầu thực tiễn, các mô hình, điển hình, rút kinh nghiệm, đề ra giải pháp thực hiện hiệu quả cho giai đoạn phát triển mới.

**Phần thứ ba**

**QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**TRỌNG TÂM ĐẾN NĂM 2025 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO**

**I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn tới tiếp tục nhận được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước; ưu tiên về lãnh đạo, chỉ đạo, cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư; hội nhập quốc tế[[8]](#footnote-8) và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nền kinh tế số hóa mang đến cơ hội đổi mới tổ chức sản xuất, ứng dụng nhanh tiến bộ khoa học công nghệ, mở rộng thị trường, thu hút đầu tư phát triển. Nhưng, cũng đan xen nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt, dịch bệnh diễn biến phức tạp và có nguy cơ bùng phát, các nguồn lực cho tăng trưởng (như đất đai, lao động) ngày càng khan hiếm; những hạn chế, yếu kém nội tại của nền sản xuất nhỏ, chậm được khắc phục thời gian qua sẽ vẫn là thách thức lớn; đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt (ngay cả trên thị trường nội địa) về năng lực sản xuất, thị trường tiêu thụ nông sản.

**II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

**1. Quan điểm**

- Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài và là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà, với nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên là Cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới theo hướng hiệu quả, bền vững.

- Phải tập trung đổi mới mạnh mẽ chiến lược, cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, huy động mọi nguồn lực, tạo bước đột phá cho phát triển nền nông nghiệp hàng hóa, quy mô lớn, hiện đại. Vừa có cơ chế, chính sách hỗ trợ tổ chức lại sản xuất nông hộ nhỏ lẻ thành quy mô lớn và theo chuỗi liên kết, nâng cao hiệu quả sản xuất, nhất là ở các vùng có điều kiện khó khăn, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng thuần nông độc canh cây lúa.

- Thực hiện Cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn vừa phải tuân thủ nguyên tắc thị trường, vừa phải đảm bảo các mục tiêu cơ bản về phúc lợi cho nông dân, bảo vệ môi trường và lợi ích người tiêu dùng. Chuyển hẳn từ phát triển theo chiều rộng, lấy số lượng làm mục tiêu phấn đấu sang chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả, tăng giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Xây dựng nông thôn mới bền vững gắn với Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, kinh tế nông thôn, thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt; tiếp tục chỉ đạo các xã đã đạt chuẩn duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí, luôn cập nhật và thực hiện theo chuẩn mới, đi vào chiều sâu, thiết thực, phù hợp, phục vụ sự phát triển nông thôn Hà Tĩnh. Xây dựng nông thôn mới bền vững hướng tới nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và gắn chặt với quy hoạch phát triển đô thị trong tương lai.

**2. Mục tiêu**

***2.1. Mục tiêu chung***

Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh, hướng tới xây dựng nền nông nghiệp thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị; gắn sản xuất với chế biến sản phẩm nông nghiệp, đồng thời tạo môi trường cho dịch vụ, du lịch, thương mại phát triển; cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, góp phần giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm an ninh quốc phòng. Đạt mục tiêu Tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2020 -2025.

***2.2. Các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025***

- Tốc độ tăng trưởng nông, lâm, thủy sản đạt trên 3%/năm; tốc độ tăng năng suất lao động nông nghiệp đạt trên 4%/năm; giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích đạt trên 130 triệu đồng/ha. Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản được sản xuất dưới các hình thức hợp tác và liên kết đạt tối thiểu 35%; tỷ lệ giá trị sản phẩm được sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt (GAP) hoặc tương đương đạt tối thiểu 20%.

Phát triển sản phẩm OCOP Hà Tĩnh, có ít nhất 200 sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận đạt chuẩn OCOP, trong đó có 30 sản phẩm OCOP đạt hạng 5 sao.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, đưa giá trị sản xuất Công nghiệp – Thương mại – Dịch vụ nông thôn chiếm trên 65%, giá trị sản xuất nông lâm thủy sản chiếm dưới 30%; tỷ lệ lao động nông nghiệp còn dưới 35%.

- Thu nhập của cư dân nông thôn tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm giảm tối thiểu 1,5%, các huyện miền núi giảm 2-3% theo chuẩn mới. Có 100% số xã, 100% huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 30% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 60% thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn đạt trên 80%.

- Ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái, giảm phát thải trong sản xuất nông nghiệp. Tỷ lệ che phủ rừng đạt ổn định trên 52%; tỷ lệ cơ sở chăn nuôi có xử lý chất thải bằng các giải pháp công nghệ tiên tiến, an toàn môi trường đạt trên 80%.

**III. ĐỊNH HƯỚNG CHỦ YẾU**

**1.** Tập trung rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch xây dựng nông thôn mới phù hợp với quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030; đảm bảo sự kết nối để nông thôn phát triển hướng tới đô thị và đô thị gắn với nông thôn, đặc biệt là quy hoạch sản xuất để mở rộng không gian phát triển, không gian kiến trúc và hạ tầng giữa đô thị và nông thôn; xây dựng huyện Nghi Xuân phát triển thành thị xã kết nối vùng Nam Nghệ An – Bắc Hà Tĩnh và các đô thị ven biển, đồng bằng, miền núi, tạo sự kết nối tổng thể giữa phát triển sản xuất nông nghiệp vùng nông thôn với công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch một cách hài hòa, bền vững. Nghiên cứu, xây dựng chương trình nông thôn mới gắn với đô thị hóa nông thôn, phù hợp với yêu cầu và điều kiện của giai đoạn mới.

**2.** Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, ưu tiên nguồn lực và các cơ chế, chính sách, tạo môi trường, động lực thu hút mạnh mẽ các nguồn lực và phát triển kinh tế tư nhân trong nông nghiệp; lấy doanh nghiệp và hợp tác xã là hạt nhân quyết định, khơi dậy tinh thần khát vọng, khởi nghiệp xây dựng quê hương, tạo bước đột phá cho thu hút đầu tư phát triển nền nông nghiệp hiện đại và thích ứng với biến đổi khí hậu. Ưu tiên thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch theo vùng chuyên canh quy mô lớn; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị khép kín ở tất cả các quy mô, loại hình và đối tượng sản phẩm; phát triển các cơ sở bảo quản, chế biến nông sản, kết nối với hệ thống cung ứng nông sản hiện đại; tạo dựng thương hiệu nông lâm sản của tỉnh trong chuỗi giá trị quốc gia, hướng tới quốc tế, nhất là đối với các sản phẩm chủ lực có lợi thế khác biệt, có sức cạnh tranh trên thị trường như cây ăn quả (cam, bưởi), chè xuất khẩu, các mặt hàng thủy sản, sản phẩm chế biến từ nhung hươu, đồ gỗ và lâm sản...

**3.** Xây dựng nông thôn mới hướng vào các nội dung thực sự thiết thực, bền vững với sản xuất và đời sống người dân nông thôn; cải thiện trực tiếp điều kiện sống, thay đổi tư duy, nếp sống của người dân nông thôn. Phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, hình thành các giá trị, ý thức văn hóa mới, văn minh trong cộng đồng nông thôn mới, hình thành thế hệ nông dân mới thời kỳ hội nhập; quan tâm phát triển các dịch vụ, phúc lợi, nâng cao đời sống về mọi mặt, bảo đảm cho đa số cư dân nông thôn được hưởng lợi từ các thành tựu phát triển của tỉnh.

**4.** Thực hiện chương trình “Mỗi xã một sản phẩm - OCOP” hướng vào nâng cao tiêu chuẩn, chất lượng, giá trị và thương hiệu các sản phẩm đặc sản, đặc trưng khác biệt của vùng miền, địa phương; gắn với phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ nông thôn, tạo sự lan tỏa trong cộng đồng, từng bước đưa sản phẩm “OCOP” Hà Tĩnh vươn ra thị trường trong và ngoài tỉnh, hướng đến xuất khẩu.

**5.** Phát triển mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại trên địa bàn nông thôn, gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động, đa dạng nguồn thu nhập cho cư dân nông thôn. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, nâng cao giá trị các sản phẩm truyền thống hiện có của tỉnh theo hướng ưu tiên đầu tư sử dụng công nghệ tiên tiến, chất lượng cao, gia tăng tỷ lệ chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm để hình thành sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm OCOP có thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, truy xuất nguồn gốc (như các sản phẩm chè, chế biến thủy sản, đồ mộc mỹ nghệ, chế biến nông sản,…).

**IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

**1. Về công tác tuyên truyền**

Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và thống nhất về tính tất yếu và tầm quan trọng của việc Đẩy mạnh Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả, bền vững; nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, gắn với phát triển đô thị, giảm nghèo bền vững, nhằm huy động được cả hệ thống chính trị và toàn xã hội chung sức thực hiện đạt mục tiêu đến năm 2025 tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới.

**2. Đẩy mạnh Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển bền vững, toàn diện theo hướng hiện đại**

***2.1*. *Cơ cấu lại theo lĩnh vực, sản phẩm***

Cơ cấu lại sản xuất từng ngành và từng lĩnh vực, gắn với phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới, theo hướng khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của các địa phương, vùng sinh thái; phát triển mạnh các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực theo 3 cấp độ: Nhóm sản phẩm thuộc danh mục chủ lực quốc gia (tôm, thịt lợn, gia cầm, gỗ và các sản phẩm từ gỗ); nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh (Cam chanh chất lượng cao, cam Bù, bưởi Phúc Trạch, chè công nghiệp, nhung hươu, lúa gạo chất lượng cao) và nhóm sản phẩm chủ lực đặc sản, có giá trị cá biệt cấp vùng, miền, địa phương gắn với “Mỗi xã một sản phẩm - OCOP”. Trong các lĩnh vực như sau:

*a) Trồng trọt:*Tiếp tục rà soát, chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng, miền. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, có liên kết; khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, sử dụng giống năng suất và chất lượng cao, áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến; giảm sử dụng các loại phân bón vô cơ, hóa chất bảo vệ thực vật; tăng cường giám sát, dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng chống sâu bệnh.

*- Lúa:* Điều chỉnh hợp lý quy mô sản xuất lúa, tổng diện tích gieo cấy giảm xuống dưới 90.000 ha (trong đó tăng lúa chất lượng, hàng hóa đạt trên 55.000 ha). Tiếp tục chuyển mạnh cơ cấu bộ giống theo hướng sử dụng các giống mới, ngắn ngày, có năng suất và chất lượng cao; tăng tỷ lệ diện tích sử dụng giống xác nhận đạt trên 80%. Tập trung quyết liệt, tạo bước chuyển thực sự về tích tụ, tập trung ruộng đất theo cơ chế cho thuê, chuyển nhượng, góp đất, phát triển đa dạng các loại hình liên kết với doanh nghiệp, cơ sở thu mua, chế biến theo cánh đồng lớn; chỉ đạo các địa phương triển khai trên diện rộng phương án phá bỏ bờ vùng, bờ thửa, hình thành cánh đồng lớn liên kết sản xuất với doanh nghiệp, trong đó ưu tiên sản xuất nông nghiệp hữu cơ với các loại giống chất lượng cao. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa, chuyển khoảng 10.000 ha lúa kém hiệu quả ở các vùng miền núi, bãi ngang ven biển, vùng thiếu nước sang trồng các loại cây trồng cạn, rau củ quả, cây thức ăn chăn nuôi có giá trị gia tăng cao hơn.

*- Cam (cam chanh, cam bù):* Tập trung đầu tư thâm canh số diện tích hiện có (trên 7.000 ha), ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật (quy trình sản xuất VietGAP, hệ thống tưới tiên tiến, kéo dài thời vụ, rãi vụ,…) để nâng cao năng suất, đồng nhất chất lượng sản phẩm; đầu tư trồng tái canh thay thế diện tích già cỗi, sâu bệnh, bị thoái hóa có năng suất, chất lượng kém. Tiếp tục bảo tồn, nhân giống, khôi phục và phát triển sản xuất cam Bù đặc sản; bình tuyển cây đầu dòng, sản xuất giống cam chanh đạt tiêu chuẩn trên diện rộng; nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về sản xuất giống cam ít hạt, không hạt. Khuyến khích, mở rộng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp với các trang trại, gắn với xây dựng thương hiệu, bảo quản, chế biến, truy xuất nguồn gốc, mở rộng thị trường trong nước, hướng tới xuất khẩu.

*- Bưởi Phúc Trạch:* Tiếp tục mở rộng diện tích tại các xã theo vùng, khu vực đã được chứng nhận chỉ dẫn địa lý[[9]](#footnote-9), với quy mô hợp lý, gắn với thị trường tiêu thụ. Tập trung đầu tư thâm canh,ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đảm bảo ổn định ra hoa, đậu quả, quy trình sản xuất VietGAP, rãi vụ; chuyển giao công nghệ sản xuất bưởi ít hạt, không hạt; thực hiện có hiệu quả Dự án Bảo tồn, nhân giống, khôi phục và phát triển sản xuất cây bưởi Phúc Trạch đảm bảo nguồn giống có chất lượng cho sản xuất. Khuyến khích hình thành các THT, HTX, liên kết vùng sản xuất bưởi với các doanh nghiệp thu mua, bảo quản, chế biến, mở rộng thị trường tiêu thụ, phát huy lợi thế sản phẩm đặc sản của tỉnh.

- *Rau củ quả:* Ổn định diện tích rau củ quả thực phẩm khoảng 12.000 ha. Tập trung vào cũng cố, nâng cao hiệu quả các vùng sản xuất rau truyền thống (như Tượng Sơn, Thiên Lộc, Thạch Liên, các vùng ven sông huyện Đức Thọ, Hương Sơn…), theo hướng sản xuất chuyên canh, an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP, truy xuất nguồn gốc. Tiếp tục thu hút đầu tư các dự án phát triển sản xuất rau củ quả quy mô lớn, công nghệ cao, bảo đảm hiệu quả, bền vững ở các vùng đất cát ven biển, chuyển đổi đất lúa, màu... Khuyến khích phát triển sản xuất rau củ quả vườn hộ, đa dạng về cơ cấu sản phẩm, linh hoạt về quy mô theo tín hiệu thị trường.

*- Lạc:* Phục hồi, duy trì ổn định diện tích gieo trồng hàng năm trên 15.000 ha; sử dụng giống thị trường ưa chuộng, áp dụng đồng bộ quy trình canh tác, phòng trừ sâu bệnh. Phát triển hệ thống tư thương thu mua, bảo quản, sơ chế; xúc tiến xây dựng nhà máy chế biến dầu, bơ, phụ gia thực phẩm.

*- Chè công nghiệp:* Tăng quy mô diện tích lên trên 1.500 ha, giá trị xuất khẩu đạt trên 3 triệu USD/năm. Thay thế dần các diện tích chè giống cũ bằng giống mới có năng suất, chất lượng cao, áp dụng VietGAP trên diện rộng. Tiếp tục nâng cao chuỗi giá trị sản xuất chè, xuất khẩu sản phẩm vào các thị trường khó tính.

*b) Chăn nuôi:* Tiếp tục tổ chức lại sản xuất theo hướng linh hoạt về đối tượng nuôi, quy mô đàn theo nhu cầu thị trường. Phát triển bền vững các chuỗi liên kết chăn nuôi lợn, bò, hươu, gia cầm trang trại, gia trại quy mô lớn, kiểm soát chặt chẽ về bảo vệ môi trường. Phát huy hiệu quả hệ thống các cơ sở giết mổ tập trung gia súc, gia cầm, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả; quản lý chặt chẽ việc sử dụng thuốc thú y và các chất phụ gia, chất cấm trong chăn nuôi. Tổ chức lại chăn nuôi nông hộ gắn chặt với yêu cầu liên kết, bảo đảm môi trường, theo phương thức chăn nuôi tiên tiến, kết hợp với phát triển chăn nuôi hữu cơ, sinh thái, nuôi các đối tượng bản địa, đặc sản, đáp ứng đa dạng nhu cầu thị trường tiêu dùng.

*- Lợn:* Tiếp tục phát triển tiến tới ổn định quy mô đàn, đến năm 2020 đạt khoảng 454.000 con, trong đó chăn nuôi gia trại, trang trại tập trung công nghiệp chiếm trên 55%. Phát huy hiệu quả các cơ sở nái ngoại quy mô lớn (300 con trở lên), đảm bảo chủ động nguồn giống chất lượng cao cho sản xuất. Phát triển chuỗi liên kết chăn nuôi lợn quy mô vừa và lớn, ở những vùng có điều kiện đất đai, kiểm soát chặt chẽ môi trường; khuyến khích hình thức nuôi trang trại, gia trại khép kín từ “sản xuất con giống – nuôi lợn thương phẩm – tiêu thụ” linh hoạt theo tín hiệu thị trường.

*- Bò:* Tiếp tục đẩy mạnh chương trình Zêbu hóa đàn bò, sử dụng tinh bò chất lượng cao (chuyên thịt), gắn với phát triển nuôi thâm canh để nâng cao tầm vóc, năng suất đàn bò, nâng tỷ lệ bò lai Zêbu, bò chất lượng cao chiếm 70% tổng đàn. Thu hút đầu tư, mở rộng quy mô chuỗi liên kết chăn nuôi bò sữa Vinamilk, bò thịt chất lượng cao ở những vùng có điều kiện.

*- Hươu:* Tiếp tục phát triển đàn hươu nuôi thâm canh trong nông hộ, gia trại (quy mô 10 con/hộ trở lên); tăng cường bình tuyển, chọn lọc, nâng cao chất lượng đàn hươu giống tại các địa phương nuôi hươu truyền thống của huyện Hương Sơn. Thu hútdoanh nghiệp đầu tư phát triển chăn nuôi hươu theo hướng bán thâm canh, nuôi ứng dụng công nghệ cao, gắn với chế biến sâu các sản phẩm từ nhung hươu, phát triển chuỗi liên kết với các hệ thống thương mại hiện đại, mở rộng thị trường xuất khẩu, tiêu thụ hết sản phẩm cho các hộ dân, phát huy sản phẩm đặc hữu đã được Luật Chăn nuôi quy định là giống vật nuôi.

*- Gia cầm:* Duy trì ổn định quy mô đàn; phát triển, nhân rộng các mô hình chăn nuôi gà vườn đồi, vùng đất cát ven biển với việc sử dụng các giống gia cầm bản địa, chăn nuôi VietGAHP, chăn nuôi hữu cơ, an toàn sinh học, đảm bảo dịch bệnh.

*c) Lâm nghiệp:* Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết 04/NQ-TU của BCH Đảng bộ tỉnh về khai thác tiềm năng, lợi thế rừng và đất lâm nghiệp. Chú trọng quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng đặc dụng, rừng tự nhiên hiện có, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển để tăng khả năng chống chịu biến đổi khí hậu. Từng bước nghiên cứu, thực hiện cơ chế khuyến khích các dự án đầu tư quy mô lớn về phát triển nông lâm kết hợp, gắn với khai thác rừng bền vững, du lịch sinh thái.

Tập trung phát triển các vùng trồng rừng nguyên liệu thâm canh, liên kết tiêu thụ sản phẩm gắn các nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu, phát huy lợi thế kinh tế từ rừng và đất lâm nghiệp, nâng cao đời sống người dân sống gần rừng, góp phần quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

- *Gỗ và các sản phẩm từ gỗ:* Đầu tư, khai thác và sử dụng có hiệu quả diện tích rừng, đất rừng sản xuất hiện có. Tập trung phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng phục vụ chế biến theo quy hoạch (khoảng 30.500 ha). Thực hiện các biện pháp trồng rừng thâm canh, tăng năng suất và giá trị, cấp chứng chỉ rừng bền vững FSC đạt trên 15.000 ha. Khuyến khích, hỗ trợ trồng cây bản địa, cây đa mục đích và phát triển lâm sản ngoài gỗ; phát triển vùng nguyên liệu, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Chuyển đổi một số diện tích rừng và đất lâm nghiệp quy hoạch sản xuất theo lộ trình, phù hợp với thực tiễn và đúng quy định để phát triển các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chủ lực. Đảm bảo phải kiểm soát chặt chẽ quy trình chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, quy trình sản xuất trên đất dốc, phải có giải pháp chống xói mòn, rửa trôi, chống sạt lở đất, bảo vệ môi trường bền vững.

*- Cao su:* Ổn định quy mô diện tích 10.300 ha cao su đứng theo quy hoạch; chỉ phát triển cây cao su ở vùng ít bị ảnh hưởng của gió bão *(Hương Khê, Hương Sơn, Vũ Quang, Đức Thọ...)*. Tiếp tục rà soát quy hoạch, chuyển diện tích trong quy hoạch cao su không thực hiện được sang phát triển trang trại nông - lâm nghiệp, trồng rừng nguyên liệu và các sản phẩm có giá trị khác.

*- Dó trầm:* Khuyến khích đầu tư trồng thâm canh diện tích cây Dó bầu hiện có tại một số xã của huyện Hương Khê *(Phúc Trạch, Hương Trạch, Hương Trà, Phú Gia)* và một số địa phương khác, theo quy mô vườn hộ, trang trại phù hợp. Tiếp tục kêu gọi các đối tác hợp tác đầu tư lâu dài, bền vững trong lĩnh vực gây trồng, tạo trầm, chế tác các sản phẩm từ cây Dó bầu; xây dựng vùng nguyên liệu trầm hương sạch chất lượng cao tại xã Phúc Trạch.

*- Cây dược liệu dưới tán rừng và lâm sản ngoài gỗ:* Bảo tồn và phát triển, mở rộng diện tích gây trồng những loài lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao. Hình thành và phát triển các vùng cây dược liệu*(Sa nhân, Ba kích, Trám, Xạ hương,...)*, trồng dưới tán rừng tự nhiên, vườn rừng. Gắn giữa việc phát triển lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu với bảo vệ rừng tự nhiên.

*d) Thủy sản:* Tiếp tục phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh, công nghệ cao, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa đối tượng và phương thức nuôi, liên kết theo chuỗi giá trị; chấn chỉnh quản lý quy hoạch các vùng nuôi, nhất là tôm trên cát, đảm bảo môi trường, an toàn dịch bệnh, phát triển bền vững.

Tiếp tục đẩy mạnh khai thác xa bờ, đầu tư hiện đại hóa cơ sở hạ tầng cảng cá, khu neo đậu, khu dịch vụ hậu cần và trang thiết bị chế biến, bảo quản trên tàu nhằm nâng cao hiệu quả khai thác. Tổ chức lại sản xuất trên biển theo mô hình hợp tác, liên kết chuỗi giữa khai thác – cung ứng dịch vụ hậu cần và thu mua trên biển – chế biến thủy sản; gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi, thực hiện các giải pháp cấp bách để khắc phục, phòng chống khai thác thủy sản bất hợp pháp.

*- Tôm:* Tiếp tục phát triển nuôi tôm thâm canh, công nghiệp, nuôi tôm trên cát ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái. Áp dụng thực hành nuôi trồng thủy sản tốt, nuôi trồng có chứng nhận. Khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển liên kết, từng bước hình thành chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

*- Hải sản đánh bắt có giá trị:* Tiếp tục phát triển đội tàu khai thác xa bờ, gắn với chuyển đổi mạnh cơ cấu nghề, nâng cao hiệu quả khai thác; kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác vùng lộng, ven bờ.

*- Nhuyễn thể, các sản phẩm có tiềm năng khác:* Mở rộng diện tích nuôi nhuyễn thể hàng hóa tập trung tại những vùng sinh thái thích hợp, với các đối tượng nuôi chủ lực (như nghêu, hàu, sò, ốc hương…); chú trọng từ khâu giống, phòng chống dịch bệnh, xây dựng các vùng nuôi an toàn, đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa, hướng tới xuất khẩu.

*e) Thủy lợi và phòng chống thiên tai:*

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi; nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng nội đồng và củng cố các tổ chức quản lý thủy nông cơ sở. Đổi mới hình thức và cơ chế quản lý dịch vụ thủy lợi. Phát triển thủy lợi đa mục tiêu để phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và công nghiệp; ưu tiên đầu tư thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung và tưới tiết kiệm nước cho cây trồng cạn chủ lực. Phấn đầu đến năm 2025, khoảng trên 30% diện tích cây ăn quả, chè công nghiệp được cấp nước ổn định, ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước.

- Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai; chủ động ứng phó, quản lý rủi ro thiên tai bằng áp dụng các công nghệ hiện đại trong dự báo, cảnh báo; đẩy mạnh các biện pháp phi công trình kết hợp với nâng cao năng lực phòng chống của cộng đồng; đảm bảo tiêu thoát lũ cho các vùng đồng bằng, vùng thấp trũng phục vụ phát triển nông nghiệp, dân sinh.

***2.2. Cơ cấu lại nông nghiệp theo vùng***

Tập trung khai thác tối đa tiềm năng, phát triển các sản phẩm đặc sản, đặc hữu vùng miền, địa phương thành sản phẩm lợi thế, sản phẩm OCOP của tỉnh trong chuỗi giá trị nông sản quốc gia, theo 3 vùng sinh thái: Vùng trung du - miền núi, tập trung cho phát triển kinh tế lâm nghiệp, cây ăn quả đặc sản, chăn nuôi đại gia súc, dược liệu, dó trầm, đặc biệt là các sản phẩm gỗ và chế biến từ gỗ; vùng ven biển, phát triển khai thác và nuôi trồng thủy sản theo chuỗi bền vững; vùng đồng bằng, tập trung phát triển các sản phẩm lúa, lạc, đậu, rau màu... theo hướng sản phẩm đặc sản.

*a) Vùng trung du, miền núi*(các huyện Hương Sơn, Vũ Quang, Hương Khê; các xã vùng trà sơn của huyện Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ): Tập trung quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng đặc dụng, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn; phát triển mạnh rừng sản xuất và các lâm sản phi gỗ, do trầm, dược liệu, xây dựng vùng gỗ nguyên liệu quy mô lớn của tỉnh; khai thác hiệu quả tiềm năng hệ sinh thái, cảnh quan môi trường rừng gắn với các di tích lịch sử, tâm linh để phát triển rừng gắn với các loại hình du lịch.

Rà soát quỹ đất sản xuất (cả đất lâm nghiệp, đất nông nghiệp và các loại đất khác), ưu tiên tổ chức sản xuất theo hướng: Phát triển các trang trại nông lâm kết hợp, trang trại cây ăn quả (cam chất lượng cao, bưởi Phúc Trạch); trang trại, gia trại chăn nuôi lợn, bò (Zebu, bò sữa, bò thịt chất lượng cao), hươu, gà đồi, các loại vật nuôi đặc sản, bản địa; chuyển đổi một số diện tích quy hoạch trồng rừng nguyên liệu, cao su, lạc, lúa… có hiệu quả thấp sang phát triển chăn nuôi, trồng cây ăn quả, cây nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, cây dược liệu...

Phát triển nuôi trồng thủy sản hợp lý ở các hồ thủy lợi và trên các vùng nước ven sông, suối, gắn với bảo tồn, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản. Khai thác phát huy hiệu quả các công trình thủy lợi lớn (Kẻ Gỗ, Ngàn Trươi, Sông Trí,…), gắn với phát triển các hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ, các phương pháp tưới tiết kiệm nước, phù hợp địa hình, điều kiện của từng vùng sản xuất; thực hiện các giải pháp hiệu quả công tác dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai

*b) Vùng đồng bằng*(các huyện Đức Thọ, Can Lộc; các xã đồng bằng của huyện Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Kỳ Anh; khu vực nông thôn của thành phố Hà Tĩnh và thị xã Hồng Lĩnh): Chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả, chuyển dịch cơ cấu mùa vụ để né tránh thiên tai, phát triển sản xuất theo hướng thâm canh cao, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa trong sản xuất; mở rộng diện tích lúa đặc sản, lúa chất lượng cao; phát triển rau, hoa, nấm, cây cảnh, cây ăn quả chuyên canh, công nghệ cao, ứng dụng quy trình thực hành tốt; phát triển chăn nuôi công nghệ cao theo chuỗi giá trị, hình thành các vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, kiểm soát chặt chẽ môi trường, nhất là tại các cơ sở chăn nuôi quy mô lớn, vùng chăn nuôi có mật độ cao. Tiếp tục thực hiện các giải pháp chống ngập cho các địa phương trong vùng, giảm lũ cho hạ du.

*c) Vùng ven biển*(các xã ven biển của huyện Nghi Xuân, Lộc Hà, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh): Bảo vệ và cũng cố các khu rừng phòng hộ chắn sóng ven biển, phục hồi và phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn. Rà soát lại dãi đất cát, mặt nước khu vực cửa sông, ven biển, tập trung cho phát triển nuôi trồng thâm canh, công nghệ cao, an toàn sinh học các loại thuỷ, hải sản có giá trị kinh tế cao (tôm, cá, nhuyễn thể, các loài thủy đặc sản phục vụ du lịch, xuất khẩu và tiêu dùng tại chỗ), sản xuất rau, củ, quả công nghệ cao; điều chỉnh lại các đai rừng sản xuất, khu dân cư, cụm tiêu thủ công nghiệp, khai thác khoáng sản, dịch vụ, du lịch sinh thái cộng đồng ven biển.

Cũng cố, nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển; tăng cường năng lực phòng chống thiên tai, nhất là chủ động ứng phó với bão mạnh, siêu bão. Tiếp tục phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ; hoàn thiện các cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế (cả trên bờ, cửa biển và trên biển), tạo đột phá về phát triển kinh tế biển, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

**3. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn, gắn với sản phẩm, dịch vụ OCOP**

***3.1. Phát triển công nghiệp chế biến:*** Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp chế biến tinh, sâu; đổi mới công nghệ, thiết bị, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GHP, GMP, HACCP, ISO…), kết hợp tổ chức sản xuất, tiêu thụ, nâng cao giá trị gia tăng.

*- Sản phẩm trồng trọt:* Chuyển giao dây chuyền, thiết bị máy hiện đại trong canh tác, chăm sóc cây trồng, thu hoạch, sấy, bóc tách vỏ, đóng gói. Tiếp tục xúc tiến đầu tư các nhà máy có quy mô lớn, công nghệ hiện đại về xay xát lúa, gạo, bảo quản hạt giống; nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ; nhà máy chế biến dầu, bơ phụ gia thực phẩm từ lạc; hệ thống kho lạnh, kho bảo ôn, các cơ sở bảo quản, chế biến rau, củ, quả, nấm ăn, nấm dược liệu; nâng cấp thiết bị, công nghệ chế biến chè hiện đại…

*- Sản phẩm chăn nuôi:* Tiếp tục xúc tiến đầu tư nhà máy chế biến sâu sản phẩm nhung hươu; chế biến thức ăn chăn nuôi, gắn với liên kết phát triển vùng nguyên liệu (ngô, sắn)...

*- Sản phẩm thủy sản:* Đổi mới công nghệ bảo quản, chế biến; cải tiến công nghệ bảo quản đông cho nhóm sản phẩm có giá trị cao, công nghệ bảo quản thủy sản tươi sống. Phát triển các nhà máy sản xuất bột cá, xúc tiến đầu tư nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu…

*- Sản phẩm lâm sản:* Tiếp tục thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ, thiết bị hiện đại, phát huy hiệu quả các nhà máy chế biến gỗ gắn với vùng nguyên liệu, đa dạng hóa các sản phẩm từ gỗ rừng trồng (như: Ván MDF, ván ép thanh, ván sàn, ván ốp tường, bột giấy, đồ gỗ xuất khẩu…); thu hút đầu tư nhà máy chế biến các sản phẩm từ cây dò trầm, gắn với vùng nguyên liệu.

***3.2. Phát triển ngành nghề nông thôn:*** Phát triển ngành nghề, làng nghề truyền thống với quy mô, cơ cấu sản phẩm hợp lý, tăng trình độ công nghệ, đủ sức cạnh tranh và đảm bảo môi trường; gắn kinh tế làng nghề với du lịch, bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống. Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến trong sản xuất, hiện đại hoá công nghệ xử lý chất thải, kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm môi trường làng nghề.

***3.3. Xác định phát triển sản phẩm OCOP là nội dung quan trọng trong phát triển kinh tế nông thôn:*** Phát huy vai trò cộng đồng, phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, gắn với phát huy các giá trị văn hóa. Phát triển sản phẩm OCOP theo hướng đáp ứng về số lượng, gia tăng về giá trị, đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định. Việc lựa chọn sản phẩm để phát triển phải trên cơ sở bám sát chu trình thường niên, đặc biệt quan tâm nghiên cứu xác định thị trường chiến lược và đánh giá hoạt động phân phối cho từng sản phẩm; nghiên cứu đánh giá, phân tích chuỗi giá trị sản phẩm để có kế hoạch, biện pháp hỗ trợ nhằm phát triển bền vững chuỗi giá trị cho từng sản phẩm. Củng cố, nâng cấp hệ thống tổ chức sản xuất đáp ứng yêu cầu của Chương trình OCOP.

***3.4. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ nông thôn:***

**-** Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp, trong đó chú trọng theo mô hình liên kết sản xuất, nhất là chuỗi sản xuất, cung cấp nguyên liệu cho chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông sản. Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ ở nông thôn (giống, vật tư, tín dụng, tư vấn sản xuất - kinh doanh, xuất khẩu)… gắn với đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm, thu hút lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng nâng cao tỷ trọng công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản. Xây dựng Đề án và cơ chế, chính sách phát triển hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại của tỉnh kết nối với cả nước theo hướng: Phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng và logistic, tăng cường ứng dụng công nghệ 4.0 trong xây dựng mạng cung ứng nông sản kỹ thuật số, thiết lập hệ thống chợ đầu mối nông sản gắn với các vùng nguyên liệu chính trên địa bàn tỉnh, nhằm tạo bước chuyển căn bản cho việc kết nối sản xuất với phân phối và tiêu dùng nông sản tại thị trường trong tỉnh, ngoài tỉnh và xuất khẩu.

- Xây dựng và phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng mẫu mã hàng hóa, chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm; bình chọn, tôn vinh các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp nông thôn chủ lực, tiêu biểu, gắn với phát triển sản phẩm OCOP; tham gia giới thiệu, quảng bá sản phẩm tại các hội chợ trong nước và quốc tế. Thành lập các hiệp hội ngành hàng để hỗ trợ, hợp tác cùng phát triển, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên trong sản xuất - kinh doanh.

**4. Tiếp tục triển khai mạnh mẽ, đồng bộ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, gắn với phát triển đô thị**

***4.1. Tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn diện trên tất cả các tiêu chí***, đặc biệt là tiêu chí Tỉnh nông thôn mới; các nội dung, tiêu chí cần đi vào chiều sâu, bền vững; ưu tiên nguồn lực cho các xã, huyện chưa đạt chuẩn và hoàn thiện các tiêu chí cấp tỉnh; các xã đã đạt chuẩn duy trì, cập nhật các tiêu chí theo quy định mới, có kế hoạch và lộ trình xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, theo hướng hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng số, kết nối hạ tầng đô thị.

- *Về xây dựng Tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới*: Xây dựng “Đề án Tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025”, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó bảo đảm Đề án mang tầm Quốc gia, định hướng xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có kinh tế, văn hóa phát triển, môi trường sống tốt, thích nghi với biến đổi khí hậu; hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ từng bước hiện đại; an ninh chính trị, văn hóa xã hội đảm bảo; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn cao hơn bình quân các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ; người dân được nâng cao cả về thể chất, vật chất và tinh thần; phát huy cao những phẩm chất, cốt cách con người Hà Tĩnh, nâng cao chỉ số hạnh phúc...

- Lộ trình xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới:

*+ Xã đạt chuẩn nông thôn mới:* Dự kiến đến cuối năm 2022 có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Toàn tỉnh hiện đã có 201/229 xã đạt chuẩn (chiếm 88% tổng số xã); sau sáp nhập còn lại 182 xã, trong đó có 28 xã chưa đạt chuẩn (Hương Khê: 11 xã; Kỳ Anh: 7 xã; Hương Sơn: 5 xã; TX Kỳ Anh: 2 xã; Cẩm Xuyên: 2 xã; Thạch Hà: 1 xã). Trong số 28 xã chưa đạt chuẩn, năm 2020 dự kiến có 15 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn toàn tỉnh là 169 xã/182 xã (chiếm 93% tổng số xã). Từ năm 2021, còn lại khoảng 13 xã chưa đạt chuẩn.

*+ Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao:*Dự kiến đến năm 2024 đạt chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao như trong Dự thảo Bộ tiêu chí tỉnh nông thôn mới là 30% tổng số xã. Các xã sau khi đạt chuẩn đều phải giữ vững, có sự nâng cấp, nâng chuẩn các tiêu chí đã đạt, phấn đấu xây dựng xã nông thôn mới nâng cao; đến nay đã có 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (chiếm 5,2% tổng số xã).

*+ Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu:* Dự kiến năm 2024 có 10% số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (đạt yêu cầu chỉ tiêu theo Dự thảo Bộ tiêu chí tỉnh nông thôn mới). Hiện có 5 xã đạt từ 80-95% so với yêu cầu (Hương Trà, Tùng Ảnh, Tượng Sơn, Thạch Hạ, Cẩm Bình).

*+ Xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới:* Dự kiến đến cuối năm 2023, toàn tỉnh sẽ có 100% huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 100% thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Năm 2024, huyện Nghi Xuân đạt chuẩn kiểu mẫu về văn hóa. Hiện đã có 4 đơn vị cấp huyện đã đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (Nghi Xuân, Can Lộc, thị xã Hồng Lĩnh và Thành phố Hà Tĩnh). Dự kiến đến cuối năm 2020 có thêm 6 huyện đạt chuẩn NTM (Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Đức Thọ, Vũ Quang, Lộc Hà, Hương Sơn); năm 2022 có thêm thị xã Kỳ Anh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; năm 2023 có thêm 2 huyện đạt chuẩn (Kỳ Anh, Hương Khê).

*+ Đối với các tiêu chí cấp tỉnh*: Năm 2020 hoàn thành các tiêu chí: Quy hoạch, Chỉ đạo và bộ máy tham mưu, giúp việc, Điện. Năm 2021, hoàn thành thêm các tiêu chí: Quy hoạch; Quốc phòng – An ninh. Năm 2022, hoàn thành thêm tiêu chí Thủy lợi. Năm 2023, hoàn thành thêm tiêu chí Sản xuất; Y tế, văn hóa, giáo dục. Năm 2024, hoàn thành thêm tiêu chí Giao thông; Hộ nghèo; Môi trường; Thu nhập; Khu dân cư NTM kiểu mẫu, Vườn mẫu (hoàn thành tốt yêu cầu tiêu chí tỉnh đạt chuẩn NTM).

***4.2. Chuẩn hóa hạ tầng, nâng cao chất lượng phúc lợi nông thôn***

Đánh giá đúng thực trạng hạ tầng, phúc lợi nông thôn, cân đối nhu cầu sử dụng cả trước mắt và về lâu dài, tránh đầu tư máy móc theo tiêu chí, dàn trải, gây lãng phí. Phát triển hạ tầng nông thôn theo hướng hiện đại, kết nối; nhanh chóng ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ để chuẩn hóa, nâng chất lượng hoạt động các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, rèn luyện sức khỏe, dịch vụ công trực tuyến... thiết thực với các nhóm đối tượng cư dân nông thôn.

***4.3. Tập trung quyết liệt, sớm giải quyết có hiệu quả các vấn đề bức xúc về môi trường; tăng nhanh tỉ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch***

*- Về xử lý rác:*Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức bảo vệ môi trường; khuyến khích phân loại rác thải tại nguồn; phát huy các cơ sở xử lý rác đã có; khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư các Nhà máy xử lý rác hiện đại, công nghệ cao tại 2 khu vực phía Bắc và phía Nam của tỉnh, sớm giải quyết có hiệu quả tình trạng bức xúc về xử lý rác thải hiện nay.

*- Về xử lý nước thải sinh hoạt:*Sớm đánh giá, tổng kết mô hình "xử lý nước thải sinh hoạt hộ gia đình và cộng đồng", có phương án phát triển, nhân rộng; quản lý tốt việc xử lý nước thải tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

*- Về nước sạch nông thôn:* Ưu tiên nguồn lực ngân sách và tiếp tục tranh thủ nguồn vốn ODA, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống các công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn theo quy hoạch trên địa bàn tỉnh; gắn với việc hoàn thiện cơ chế, mô hình quản lý, khai thác, phát huy hiệu quả các công trình cấp nước; xem đây là chương trình trọng tâm trong đầu tư kết cấu hạ tầng nông thôn trong giai đoạn tới, nhằm nâng cao tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn.

***4.4. Phát huy những thành quả đạt được, tiếp tục phát động mạnh mẽ phong trào xây dựng Khu dân cư NTM kiểu mẫu, Vườn mẫu trên toàn tỉnh***, phấn đấu 100% số thôn xóm, cộng đồng tham gia thực hiện. Xây dựng mô hình và phát triển "Khu dân cư nông thôn mới thông minh", kết nối, phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch làng xã nông thôn mới.

***4.5. Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, toàn diện*:** Nhanh chóng hoàn thiện, ổn định bộ máy sau sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã; có giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất, năng lực, uy tín, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

***4.6. Quan tâm gắn chặt quá trình xây dựng nông thôn mới với xây dựng đô thị văn minh,*** cả về không gian địa lý, văn hóa, kết nối hạ tầng và không gian kinh tế (kết nối thị trường tiêu thụ, thúc đẩy phát triển du lịch, dịch vụ...); nông thôn mới và đô thị phải hỗ trợ nhau, thúc đẩy lẫn nhau phát triển bền vững.

***4.7. Đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội nông thôn:*** Tập trung huy động nguồn lực đầu tư cho chương trình giảm nghèo bền vững; tăng cường lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án với chương trình giảm nghèo. Ưu tiên nguồn lực cho các huyện nghèo, xã, thôn nghèo đặc biệt khó khăn, gắn mục tiêu giảm nghèo với xây dựng nông thôn mới.

**5. Ban hành các chính sách để phát triển các vùng sản xuất quy mô lớn, tập trung**

- Trên cơ sở thị trường và tiềm năng hiện có của tỉnh, cần tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát quy hoạch và bổ sung quy hoạch các vùng nguyên liệu tập trung, loại cây, con chủ lực của tỉnh có tiềm năng phát triển hàng hóa và xuất khẩu. Tổ chức công bố quy hoạch và có giải pháp, kế hoạch, lộ trình để tổ chức triển khai, thực hiện.

- Rà soát và bổ sung các vùng quy hoạch tập trung, có quy mô lớn có tiềm năng để phát triển các ngành sản xuất, chế biến, đủ sức để phát triển thành vùng nguyên liệu tập trung. Căn cứ vào điều kiện sinh thái từng vùng, xác định các loại cây trồng phù hợp, gắn kết chặt chẽ với sản xuất chế biến, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong nước và có tiềm năng xuất khẩu. Trên cơ sở đó, hình thành các vùng chuyên canh, xây dựng các khu công nghệ cao và đẩy mạnh công tác khuyến nông áp dụng công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ sinh học, nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, nâng cao trình độ bảo quản, chế biến, tăng sức cạnh tranh của các mặt hàng nông, lâm sản của Tỉnh trên thị trường trong và ngoài nước.

- Quy hoạch , xây dựng hệ thống các khu vực thu mua, chế biến, bảo quản, vận chuyển, tiêu thụ hàng hóa nông sản xuất khẩu cho nông dân.

- Nghiên cứu điều chỉnh các chính sách về đất đai, nhằm khuyến khích các tổ chức trong và ngoài nước tăng cường đầu tư vào nông nghiệp, các cơ quan nghiên cứu, các doanh nghiệp mở rộng hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ vào sản xuất; khuyến khích người nông dân tích tụ đất, phát triển một cách ổn định và lâu dài việc sản xuất rau quả hàng hoá trên quy mô lớn, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thị trường. Cần có chế tài về gắn kết chặt chẽ quyền lợi sử dụng đất với nghĩa vụ và trách nhiệm sử dụng đất để đảm bảo sản xuất hàng hoá đạt hiệu quả cao, gắn với mục tiêu và kế hoạch phát triển kinh tế đồng thời phát huy được lợi thế so sánh cuả từng vùng.

+ Ưu tiên quỹ đất có quy mô lớn, ở những vùng còn dư địa tăng trưởng (nhất là vùng ven biển, đồi núi, kể cả các vùng đất chưa giao ở vùng đồng bằng, vùng thâm canh lúa) cho các doanh nghiệp đầu tư các dự án phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, hiện đại, các dự án công nghiệp bảo quản, chế biến và dịch vụ hỗ trợ, thương mại nông sản.

+ Thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách cho các tổ chức, cá nhân thực hiện tập trung, tích tụ đất nông nghiệp theo hình thức thuê đất để phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh với nguyên tắc tự nguyện, đồng thuận, tuân thủ pháp luật; từng bước tổng kết, đánh giá để nhân rộng trên địa bàn tỉnh.

+ Việc chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất công nghiệp và dịch vụ nông thôn phải thực hiện theo nguyên tắc đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất công khai, minh bạch, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người dân, quyền lợi của nhà nước và của nhà đầu tư, không để xẩy ra khiếu kiện.

- Điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách khuyến khích mạnh mẽ hơn nữa cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn theo hướng tập trung, mũi nhọn; giảm chính sách hỗ trợ trực tiếp, chuyển hướng ưu tiên các cơ chế, chính sách tạo môi trường, động lực, nhất là về kích hoạt tín dụng, về đất đai, hỗ trợ phát triển thị trường, tiêu thụ sản phẩm đầu ra thông qua thực hiện Chương trình OCOP,… để thu hút doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp trong nông nghiệp, tập trung vào các mô hình kinh doanh mới, định hướng sản xuất và xây dựng thương hiệu sản phẩm; phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hiện đại, bền vững.

- Rà soát, bổ sung các cơ chế, chính sách ưu tiên cho các huyện, xã, thôn chưa đạt chuẩn; nội dung, tiêu chí định hướng tầm nhìn cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; tiêu chí thiết thực nâng cao phúc lợi cho các đối tượng cư dân nông thôn; tiêu chí có khả năng thiếu bền vững; tiêu chí tạo động lực mạnh mẽ cho người dân và cộng đồng phát huy vai trò chủ thể, tự giác, chủ động thực hiện, bảo đảm Chương trình ngày càng đi vào chiều sâu, thiết thực, bền vững.

**6. Tiếp tục xác định khoa học công nghệ là động lực then chốt**

Tập trung chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực, “khoa học công nghệ phải đi trước một bước” để tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là trong công tác giống, quy trình sản xuất, cơ giới hóa và tự động hóa, công nghệ sinh học, công nghiệp bảo quản, chế biến tinh sâu, nhằm cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng các sản phẩm nông sản của tỉnh trên thị trường. Áp dụng mạnh mẻ tiến bộ khoa học công nghệ nhằm đổi mới quy trình từ quản lý đến sản xuất, chế biến, tiêu thụ và trang bị các máy móc, hệ thống thiết bị đồng bộ, hiện đại để tạo ra những sản phẩm đa dạng về chủng loại, mẫu mã, kiểu dáng và giá thành thấp nằm tạo ra các sản phẩm nông nghiệp đảm bảo yêu cầu về vệ sinh, an toàn thực phẩm và có sức cạnh tranh trên thị trường ...

**7. Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ nông nghiệp phù hợp, hiệu quả,** trong đó doanh nghiệp, hợp tác xã là động lực phát triển, nông dân vừa là chủ thể, vừa là đối tượng phục vụ để tăng thu nhập. Khuyến khích và tạo thuận lợi phát triển doanh nghiệp nông nghiệp, hình thành các mô hình hợp tác, liên kết chặt chẽ, bình đẳng tin cậy giữa nông dân và doanh nghiệp; cụ thể hóa, triển khai có hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ. Đẩy mạnh đổi mới và phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, phát triển trang trại theo hướng chú trọng hơn tới việc tổ chức nông dân sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ trong nước, toàn cầu.

**8. Phát triển nguồn nhân lực**.Tiếp tục xây dựng chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho lĩnh vực nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn theo hướng chuyên nghiệp, khoa học và hiện đại đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới bao gồm cả cán bộ quản lý, người lao động và kỷ năng quản trị của các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ hợp tác … Từng bước đào tạo và chuyển đổi cơ cấu lao động trong nông thôn theo hướng hiệu quả, bền vững và phát huy được tiềm năng, lợi thế của địa phương.

**9. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.** Tập trung chỉ đạo cải cách hành chính, tháo gỡ các rào cản trong thủ tục đầu tư, đất đai, thể chế, cải thiện môi trường đầu tư trong nông nghiệp. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý chất lượng giống, vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm việc chất cấm trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; quản lý, kiểm soát chặt chẽ giết mổ gia súc gia cầm; quản lý, bảo vệ rừng tại gốc. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất tập trung, làng nghề, chế biến.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Cấp ủy Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 ban hành nghị quyết (hoặc kết luận) về Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, gắn với phát triển đô thị, giảm nghèo bền vững, nhằm phấn đấu đạt mục tiêu Đại hội Đảng các cấp đề ra trong nhiệm kỳ mới.

2. Các Ban xây dựng Đảng theo chức năng, nhiệm vụ của mình, tham mưu, chỉ đạo theo hệ thống đến cơ sở, tập trung cao thực hiện các chủ trương, định hướng, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn đạt kết quả thiết thực.

3. Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện; tiếp tục nghiên cứu các vấn đề thực tiễn phát sinh trong quá trình quản lý, phát triển để kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chủ trương, chính sách phù hợp, thúc đẩy mạnh mẽ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, thực hiện Cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, đạt mục tiêu đề ra trong giai đoạn tới.

4. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên: Phát động mạnh mẽ các phong trào thi đua; phát huy tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội; huy động nội lực, sức dân, vận động các tổ chức, cá nhân chung tay, góp sức đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; làm tốt công tác sơ tổng kết, khen thưởng, vinh danh các tập thể, cá nhân điển hình.

**TỔ CHUYÊN ĐỀ 2**

1. Nhiều vùng trồng cam ở Đức Lĩnh (Vũ Quang), Thượng Lộc (Can Lộc), Hương Đô (Hương Khê), Sơn Trường, Sơn Mai (Hương Sơn) có năng suất 15 – 20 tấn, cho thu nhập bình quân 450.000.000 – 600.000.000 đồng/ha/năm; vùng trồng bưởi tại Hương Thủy, Lộc Yên, Hương Trạch (Hương Khê), cho thu nhập từ 360.000.000 – 450.000.000 đồng/ha/năm. [↑](#footnote-ref-1)
2. Cây lúa: Khâu làm đất đạt 95,5% (tăng 39,8% so năm 2013), khâu thu hoạch đạt 96,0% (tăng 52,5%), khâu vận chuyển đạt 80,0% (tăng 25,6%); cây màu khâu làm đất đạt 65,5% tăng 35,5%; trên 90% các trang trại chăn nuôi tập trung đã áp dụng cơ giới hóa đồng bộ; sản xuất lâm nghiệp (khâu tưới, phay sản xuất cây giống đat 82%, khai thác 86%, vận chuyển 92%, chế biến lâm sản 85%); trong nuôi tôm thâm canh, công nghệ cao và tàu khai thác xa bờ cơ giới hóa đạt trên 80%,.. [↑](#footnote-ref-2)
3. Dự án Nhà máy sản xuất gỗ ván ép MDF, HDF công suất 120.000m3/năm và gỗ ván thanh công suất 2.400m3/năm của Công ty CP Gỗ MDF Thanh Thành Đạt với tổng mức đầu tư trên 1.400 tỷ đồng, Dự án Nhà máy sản xuất phân bón Hoành Sơn của Công ty cổ phần tập đoàn Hoành Sơn với số vốn đăng ký là 1.445 tỷ đồng, dự án Nhà máy chế biến bột cá và dịch vụ hậu cần nghề cá của Công ty CP Chế biến thủy sản Hà Tĩnh với số vốn đăng ký là 182 tỷ đồng;.. [↑](#footnote-ref-3)
4. Gồm: Mộc Thái Yên; Rèn đúc Trung Lương; Mộc Tràng Đình, xã Yên Lộc; Chổi đót Hà Ân, xã Thạch Mỹ; Đóng thuyền Trường Sơn; Mộc Thái Yên; Chế biến nước mắm Cẩm Nhượng; Nón lá Kỳ Thư; Mây tre đan Yên Mỹ, xã Liên Minh; Chiếu cói Nam Sơn, thị trấn Nghèn; Chế biến nước mắm Tam Hải; nước mắm Xuân Phú, xã Kỳ Xuân; Mộc Phổ Trường, xã Xuân Phổ. [↑](#footnote-ref-4)
5. HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết 53/2013/NQ-HĐND về chính sách phát triển thương mại nông thôn [↑](#footnote-ref-5)
6. Như: chợ Gôi (Sơn Hòa), chợ Nầm (Sơn Châu), chợ Trại (Hộ Độ), Chợ Đồn (Thạch Điền)... [↑](#footnote-ref-6)
7. Cẩm Duệ, Mỹ Lộc, Thạch Ngọc, Đức Thịnh, Thạch Bàn… [↑](#footnote-ref-7)
8. Tận dụng thời cơ Việt Nam tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đặc biệt là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) [↑](#footnote-ref-8)
9. Tại 22 xã theo Quyết định số 2180/QĐ-SHTT ngày 09/10/2010 của Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và CN [↑](#footnote-ref-9)